

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 3– 2021.

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh N Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần N**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh M**, sinh năm 1973 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2020, và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trần N trình bày: Năm 1998, bà N và ông M tự nguyện chung sống với nhau. Bà N và ông M đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 20 tháng 9 năm 2006.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, bà N và ông M tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ đầu năm năm 2010, bà N và ông Huỳnh M đã sống ly thân đến nay, sau khi ly thân cả hai không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Bà N và ông M có 03 người con chung tên Huỳnh Ng sinh năm 1999, Huỳnh Th sinh năm 2001, Huỳnh L sinh ngày 10/3/2009, hiện cháu Ng và

cháu Th đã trưởng thành, cháu L đang sống với ông M . Khi ly hôn, bà N yêu cầu được cháu L và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà N tự nguyện rút yêu cầu về nuôi con, đồng ý giao cháu Ly cho ông M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, bị đơn ông Huỳnh M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2021: Ông M thống nhất lời trình bày của bà N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về hôn nhân: Do ông M và bà N đã ly thân từ năm 2010 đến nay, sau khi ly thân cả hai không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông M đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Cháu Ng và cháu Th đã trưởng thành, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Huỳnh L sinh ngày 10/3/2009 hiện đang sống với ông M , khi ly hôn ông M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ly và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông M , xử cho bà N được ly hôn với ông M; về con chung, cháu Huỳnh Ng sinh năm 1999 và Huỳnh Th sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết, giao cháu cháu Huỳnh L sinh ngày 10/3/2009 cho ông M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông M không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và nợ chung ông M và bà N thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh M. Khi khởi kiện ông M có địa chỉ tại ấp V, xã H, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông M nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 20 tháng 9 năm 2006 nên hôn nhân giữa bà N và ông M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà N và ông M đều xác định cả hai đã ly thân từ năm 2010 đến nay, sau khi ly thân bà N và ông M không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà N yêu cầu ly hôn, ông M cũng đồng ý ly hôn với bà N. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông M đã không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông M, xử cho bà N ly hôn với ông M.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông M có ba người con chung là cháu Huỳnh Ng sinh năm 1999, cháu Huỳnh Th sinh năm 2001 và cháu Huỳnh L sinh ngày 10/3/2009. Do cháu Ng và cháu Th đã trưởng thành nên bà N và ông M không yêu cầu giải quyết, còn cháu L hiện đang sống chung với ông M. Bà N và ông M thống nhất giao cháu Ly cho ông M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của cháu L ngày 26/02/2021 cũng có nguyện vọng sống chung với ông M. Do vậy, tiếp tục giao cháu L cho ông M tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc rút yêu cầu của bà N về yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh L sinh ngày 10/3/2009; xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện không bị ai ép buộc nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[7] Án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0008465 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần N đối với ông Huỳnh M. Xử cho bà Trần N được ly hôn với ông Huỳnh M .

2. Về con chung: Cháu Huỳnh Ng sinh năm 1999 và cháu Huỳnh Th sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Giao cháu Huỳnh L sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009 cho ông Huỳnh M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục; (cháu Huỳnh L đang sống chung với ông Huỳnh M).

Bà Trần N không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh M không yêu cầu bà Trần N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần N và ông Huỳnh M thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Chấp nhận việc rút yêu cầu của bà Trần N đối với ông Huỳnh Đại M về yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Huỳnh L sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trần N đối với ông Huỳnh M về yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Huỳnh L sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Trần N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008465 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Lợi (1b);
- UBND xã H, huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b); VP (3b).

Ngô Trang Thảo